

THÔNG BÁO DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ CỦA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm kỳ tháng 10 năm 2025 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.136.656.599	4.354.343.798	435.434.379	376.208.660
2	DGC	379.778.413	219.397.989	21.939.798	21.939.798
3	FPT	1.703.507.121	1.373.537.791	137.353.779	108.790.998
4	HDB	3.844.334.315	2.758.309.871	275.830.987	263.330.988
5	HPG	7.675.465.855	4.159.334.946	415.933.494	277.286.114
6	LPB	2.987.282.100	2.702.594.115	270.259.411	259.237.310
7	MBB	8.054.999.909	4.000.918.454	400.091.845	322.141.559
8	MSN	1.445.915.457	816.653.050	81.665.305	63.928.402
9	MWG	1.478.456.763	1.089.474.788	108.947.478	70.353.045
10	SHB	4.593.703.838	3.188.030.463	318.803.046	294.725.183
11	SSB	2.845.000.000	1.473.425.500	147.342.550	140.842.550
12	SSI	2.075.914.794	1.358.686.232	135.868.623	135.868.623
13	STB	1.885.215.716	1.727.046.117	172.704.611	109.350.447
14	TCB	7.086.240.414	3.801.767.982	380.176.798	323.877.962
15	TPB	2.641.956.196	1.382.535.677	138.253.567	120.299.008
16	VHM	4.107.412.004	1.070.802.309	107.080.230	90.707.517
17	VIB	3.404.005.710	2.009.724.971	200.972.497	156.183.321

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
18	VIC	3.853.015.512	1.218.708.806	121.870.880	117.359.214
19	VJC	591.611.334	259.835.697	25.983.569	25.333.569
20	VNM	2.089.955.445	738.799.249	73.879.924	52.660.795
21	VPB	7.933.923.601	4.494.567.719	449.456.771	386.416.364
22	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	49.709.538